**HƯỚNG DẪN CHẤM CUỐI KÌ 2**

**MÔN ĐỊA LÍ LỚP 10**

**PHẦN I.** (Mỗi câu trả lời đúng học sinh được **0,25 điểm**)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề\câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **2014** | B | D | D | D | A | A | B | A | D | C | A | B | B | D | C | A |
| **3115** | A | C | D | C | D | B | A | D | C | C | A | C | A | B | D | D |
| **2061** | D | C | D | A | D | A | D | C | D | C | B | B | B | A | D | B |
| **3371** | B | D | D | A | B | B | B | C | D | B | D | D | D | B | B | C |

**PHẦN II**. (Mỗi câu trả lời đúng học sinh được **0,25 điểm**)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã đề**  **2014** | **Lệnh hỏi** | **Đáp án (Đ/S)** | **Mã đề**  **2061** | **Lệnh hỏi** | **Đáp án (Đ/S)** |
| **a** | Đ | **a** | Đ |
| **b** | Đ | **b** | S |
| **c** | S | **c** | Đ |
| **d** | S | **d** | S |
| **Mã đề 3115** | **Lệnh hỏi** | **Đáp án (Đ/S)** | **Mã đề**  **3371** | **Lệnh hỏi** | **Đáp án (Đ/S)** |
| **a** | S | **a** | Đ |
| **b** | S | **b** | S |
| **c** | Đ | **c** | S |
| **d** | Đ | **d** | Đ |

**PHẦN III.** (Mỗi câu trả Đlời đúng thí sinh được **0,25 điểm**)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã đề 2014** | **Câu** | **Đáp án** | **Mã đề**  **2061** | **Câu** | **Đáp án** |
| **1** | 124 | **1** | 12,8 |
| **2** | 1 | **2** | 124 |
| **3** | 8,4 | **3** | 1 |
| **4** | 12,8 | **4** | 8,4 |
| **Mã đề 3115** | **Câu** | **Đáp án** | **Mã đề**  **3371** | **Câu** | **Đáp án** |
| **1** | 8,4 | **1** | 124 |
| **2** | 124 | **2** | 1 |
| **3** | 12,8 | **3** | 12,8 |
| **4** | 1 | **4** | 8,4 |

**PHẦN IV. TỰ LUẬN (4.0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Thang điểm** |
| **Câu 1.** | **2.0** |
| 1. **Vẽ biểu đồ**   - Yêu cầu vẽ đẹp, đầy đủ, chính xác  - Bị trừ điểm trong các trường hợp sau:  + Thiếu tên biểu đồ **-0.25**  + Chú thích -**0.25**  + Thiếu đơn vị 2 trục và góc tọa độ (thiếu 2/3) **-0.25**  + Thiếu 1 năm đến 2 năm **-0.25**  + Chia sai khoảng cách năm **-0.25**  + Vẽ không dùng thước **-0.25**  + Dơ, bôi xoá **-0.25**  + Độ rộng các cột không bằng nhau **-0.25**  + Không ghi số năm dưới cột **-0.25**  **+** Vẽ 2 trực không đối xứng **-0.25**  + Chia sai tỉ tệ 2 trục đứng **0đ**  + Chia sai tỉ lệ trục ngang **-0.5**  + Vẽ đúng đảo thứ tự của 2 trực đứng **-0.25**   1. **Nhận xét**   - Sản lượng dầu mỏ thế giới từ 1990 đến 2020 ngày càng tăng. Dẫn chứng  - Sản lượng điện thế giới từ 1990 đến 2020 ngày càng tăng. Dẫn chứng  ***- Nhận xét không dẫn chứng số liệu hoặc thiếu dẫn chứng hoặc thiếu đơn vị cả dầu và điện thì 0đ***  ***- Trường hợp cả 2 nhận xét có nêu được tăng nhưng không nêu được dẫn chứng thì được 0.25*** | **1.5**  **0.25**  **0.25** |
| **Câu 2.** Phân tích vai trò và đặc điểm của ngành dịch vụ đến nền kinh tế thế giới | **2.0** |
| **I. VAI TRÒ**  - Trong nền kinh tế hiện đại, đóng góp 60-70% GDP và trên 50% lao động đang làm việc của thế giới.  - Thúc đẩy các hoạt động kinh tế, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư và bảo vệ môi trường.  - Phát triển nguồn nhân lực và phát triển con người, giải quyết tốt các vấn đề xã hội.  - Góp phần khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.  - Phát triển công nghiệp, nông nghiệp và thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.  - Thúc đẩy phân công lao động; toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.  **II. ĐẶC ĐIỂM**  - Sản phẩm của ngành dịch vụ không mang tính vật chất.  - Hoạt động dịch vụ có tính linh hoạt nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của sản xuất và đời sống xã hội.  - Hoạt động dịch vụ có tính hệ thống.  - Không gian lãnh thổ của dịch vụ ngày càng mở rộng. | **0.25**  **0.25**  **Đủ 4 ý 0.75**  **3+ 0.5**  **2+ 0.25**  **Đủ 4 ý 0.75**  **3 ý 0.5**  **2 ý 0.25** |